

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ - ST

Ngày 23/4/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Sử
2. Ông Nguyễn Văn Hiển

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phí Thị N, sinh năm 1971

- **Bị đơn:** Ông Phí Văn T, sinh năm 1967

Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện ĐH, tỉnh TB

(Tại phiên tòa vắng mặt bà N, ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phí Thị N trình bày: Bà và ông Phí Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 18/12/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông T hay uống rượu, chửi và xúc phạm gia đình nhà bà, đánh

bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn bà xin được ly hôn ông Phí Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Phí Văn T1, sinh năm 1991 và Phí Văn T2, sinh năm 1993. Ly hôn, con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phí Văn T là bị đơn khai: Ông và bà Phí Thị N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 18/12/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, bà N không tôn trọng chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn bà N xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Phí Văn T1, sinh năm 1991 và Phí Văn T2, sinh năm 1993. Ly hôn, con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - bà Phí Thị N, bị đơn ông Phí Văn T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị N: Xử cho bà N được ly hôn ông Phí Văn T. Về con chung: bà N và T có 02 con chung là Phí Văn T1, sinh năm 1991 và Phí Văn T2, sinh năm 1993, các con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa bà N và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Phí Văn T có nơi thường trú tại xã A, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bà N và ông T có đơn xin xét xử vắng

mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N kết hôn với ông T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 18/12/1990 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau. Bà N xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà N và ông T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N xử cho bà N được ly hôn ông T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung là Phí Văn T1, sinh năm 1991 và Phí Văn T2, sinh năm 1993. Ly hôn, cả hai con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa bà N và ông T.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà N, ông T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phí Thị N được ly hôn ông Phí Văn T.

2. Về con chung: 02 con chung là Phí Văn T1, sinh năm 1991 và Phí Văn T2, sinh năm 1993 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003120 ngày 27/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà N, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã A;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phạm Thị Lan Phương